TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 998/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 31 tháng 7 năm 2018.
"V/v Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Duy Trung.**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hồ Thị Ngọc Nga.
2. Ông Huỳnh Vĩnh Lộc.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lụa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 361/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1977 (có mặt).
Địa chỉ: xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bị đơn: Ông **Đỗ Trọng L**, sinh năm 1974 (có mặt).
Địa chỉ: xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà và ông Đỗ Trọng L tự nguyện sống chung vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi cưới, cả hai sống chung sống nhiều nơi, nơi cư trú chung cuối cùng là xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu sống cũng hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L thường xuyên đánh đập bà, xúc phạm thể xác và tinh thần.

Bà không còn tình cảm gì với ông Lương, bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: 02 con chung tên Đỗ Trọng Th sinh năm 1996 và Đỗ Thị Thu Ph sinh ngày 22/10/2002. Khi ly hôn, bà yêu cầu ông L nuôi trẻ Ph, bà không cấp dưỡng nuôi con, riêng con chung tên Th đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ dân sự chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không thay đổi lời trình bày, vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến của mình, bị đơn thừa nhận quá trình kết hôn và chung sống như nguyên đơn trình bày là đúng, ông thừa nhận có đánh vợ nhưng do nóng tính, ông còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông đồng ý với ý kiến của bà C.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Trọng L nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án này là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét ông L có nơi cư trú tại địa chỉ: xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của bà C ly hôn với ông L vì cả hai thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là ông L thường xuyên đánh đập bà, xúc phạm bà về thể xác và tinh thần, cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01, đăng ký ngày 02/3/1995.

Xét ông L thừa nhận có đánh vợ, có mâu thuẫn và cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên đoàn tụ 02 lần, nhưng cả hai không đoàn tụ được, ông L không đưa ra được giải pháp để hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng, bà C kiên quyết xin ly hôn.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà C có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét bà C khai có 02 con chung tên Đỗ Trọng Th sinh năm 1996 và Đỗ Thị Thu Ph sinh ngày 22/10/2002, bà C yêu cầu giao con chung tên Ph cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con, riêng con chung tên Th đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét con chung tên Ph có bản khai có nguyện vọng được sống chung với ba nên giao cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận ông L tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ dân sự chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Do Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn nên bà C phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, các Điều: 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị C. Bà C được ly hôn với ông Đỗ Trọng L.

Giấy chứng nhận kết hôn 17, quyển số 01, đăng ký ngày 02/3/1995 tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T, tỉnh Thái Bình không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông L được quyền trực tiếp nuôi 01 con chung tên Đỗ Thị Thu Ph sinh ngày 22/10/2002. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con, riêng con chung tên Đỗ Trọng Th sinh năm 1996 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà C được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về tài sản chung: Cả hai khai không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Cả hai khai không có.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà C chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032194 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi ngày 03 tháng 4 năm 2018. Bà C đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hoặc nhận được bản án; các đương sự có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã Th, h. T, t. Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Duy Trung